

Số: **4546** / LĐTBOXH-BTXH

Hà Nội, ngày **26** tháng **10** năm 2023

V/v Báo cáo kết quả kết nối DVCTT  
và rà soát, cập nhật dữ liệu đối tượng BTXH

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn thiện, hướng dẫn các địa phương sử dụng hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội.

Đến nay có 58/63 tỉnh, thành phố đã hoàn thành việc kết nối Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách TGXH trực tuyến với hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh (5 tỉnh Lai Châu, Khánh Hòa, Quảng Bình, Bạc Liêu, Quảng Ninh chưa hoàn thành); việc kết nối và triển khai thủ tục hành chính liên thông “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng” đã triển khai trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, việc rà soát, cập nhật, bổ sung dữ liệu và xác thực định danh điện tử chưa được quan tâm làm sạch, cập nhật bổ sung đầy đủ tại một số địa phương; còn 49/705 huyện chưa cập nhập biến động thường xuyên từ tháng 7-9/2023 (Có Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo).

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo Sở Thông tin Truyền thông là cơ quan đầu mối phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan cung cấp Công Dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh rà soát, hoàn thiện các lỗi kết

nối với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Riêng 5 tỉnh (Lai Châu, Khánh Hòa, Quảng Bình, Bạc Liêu, Quảng Ninh) chưa hoàn thành kết nối, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản báo cáo tiến độ và cam kết thời hạn hoàn thành.

2. Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan khẩn trương hoàn thành việc làm sạch, cập nhật, bổ sung dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội còn thiếu theo yêu cầu của hệ thống (CCCD, ĐDCN, giới tính, dân tộc, số và ngày Quyết định hưởng chính sách ..); cập nhật biến động tăng, giảm hàng tháng, tổng hợp báo cáo và lập danh sách chi trả trên Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội tại đường link [dvcbtxh.molisa.gov.vn](http://dvcbtxh.molisa.gov.vn).

3. Báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội) trước ngày 15/11/2023. Thông tin chi tiết liên hệ: Cục Bảo trợ xã hội (đ/c Nguyễn Thủy Nguyên, điện thoại: 0984.143.288; Email: [cucbaotroxahoi@molisa.gov.vn](mailto:cucbaotroxahoi@molisa.gov.vn)). 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Hồi (để biết);
- Văn phòng Bộ;
- Trung tâm Công nghệ Thông tin;
- Lưu: VT, BTXH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



---

**Nguyễn Bá Hoan**

## PHỤ LỤC 1

### Thông kê số lượng đối tượng thiếu một số trường thông tin quản lý

(Kèm theo Công văn số 4546/LĐTBXH- BTXH ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

| TT | Tên tỉnh       | Thiếu số<br>CCCD/ĐDCN* | Thiếu thông<br>tin giới tính | Thiếu thông<br>tin dân tộc | Thiếu thông<br>QĐ hưởng CS |
|----|----------------|------------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| 1  | Hà Nội         | 28487                  | 3258                         | 13835                      | 170572                     |
| 2  | Hà Giang       | 4240                   | 4098                         | 12602                      | 38211                      |
| 3  | Cao Bằng       | 3017                   | 374                          | 1179                       | 25389                      |
| 4  | Bắc Kạn        | 1117                   | 105                          | 798                        | 13999                      |
| 5  | Tuyên Quang    | 1176                   | 102                          | 2018                       | 34240                      |
| 6  | Lào Cai        | 2240                   | 114                          | 789                        | 18479                      |
| 7  | Điện Biên      | 3654                   | 415                          | 1532                       | 29773                      |
| 8  | Lai Châu       | 2504                   | 65                           | 652                        | 14442                      |
| 9  | Sơn La         | 4641                   | 603                          | 1883                       | 38368                      |
| 10 | Yên Bái        | 4112                   | 46                           | 1418                       | 25495                      |
| 11 | Hoà Bình       | 2634                   | 232                          | 1343                       | 29285                      |
| 12 | Thái Nguyên    | 7353                   | 496                          | 1805                       | 38770                      |
| 13 | Lạng Sơn       | 3986                   | 156                          | 1638                       | 29063                      |
| 14 | Quảng Ninh     | 7795                   | 291                          | 2303                       | 39592                      |
| 15 | Bắc Giang      | 14192                  | 791                          | 3991                       | 60617                      |
| 16 | Phú Thọ        | 8141                   | 73                           | 4012                       | 54266                      |
| 17 | Vĩnh Phúc      | 7291                   | 350                          | 2288                       | 39944                      |
| 18 | Bắc Ninh       | 24726                  | 19480                        | 30585                      | 64954                      |
| 19 | Hải Dương      | 6901                   | 1134                         | 3950                       | 78619                      |
| 20 | Hải Phòng      | 11844                  | 383                          | 977                        | 76225                      |
| 21 | Hưng Yên       | 7705                   | 662                          | 6389                       | 56807                      |
| 22 | Thái Bình      | 4572                   | 253                          | 3191                       | 99330                      |
| 23 | Hà Nam         | 12643                  | 9110                         | 11522                      | 45344                      |
| 24 | Nam Định       | 10591                  | 165                          | 1705                       | 81722                      |
| 25 | Ninh Bình      | 3506                   | 228                          | 582                        | 45200                      |
| 26 | Thanh Hóa      | 28107                  | 1722                         | 7847                       | 161109                     |
| 27 | Nghệ An        | 53313                  | 9620                         | 19497                      | 140701                     |
| 28 | Hà Tĩnh        | 2805                   | 38                           | 1483                       | 51033                      |
| 29 | Quảng Bình     | 6953                   | 871                          | 2983                       | 42575                      |
| 30 | Quảng Trị      | 3301                   | 100                          | 2301                       | 35900                      |
| 31 | Thừa Thiên Huế | 11513                  | 3992                         | 14437                      | 57101                      |
| 32 | Đà Nẵng        | 10590                  | 3980                         | 6655                       | 27485                      |
| 33 | Quảng Nam      | 17085                  | 1223                         | 29167                      | 42824                      |
| 34 | Quảng Ngãi     | 8388                   | 310                          | 5289                       | 75679                      |
| 35 | Bình Định      | 5932                   | 479                          | 5334                       | 87610                      |
| 36 | Phú Yên        | 5558                   | 45                           | 2440                       | 47947                      |
| 37 | Khánh Hòa      | 4991                   | 81                           | 5506                       | 37884                      |

| TT | Tên tỉnh             | Thiếu số<br>CCCD/ĐDCN* | Thiếu thông<br>tin giới tính | Thiếu thông<br>tin dân tộc | Thiếu thông<br>QĐ hưởng CS |
|----|----------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| 38 | Ninh Thuận           | 4077                   | 593                          | 1102                       | 21184                      |
| 39 | Bình Thuận           | 4238                   | 259                          | 1225                       | 37434                      |
| 40 | Kon Tum              | 3016                   | 54                           | 615                        | 17568                      |
| 41 | Gia Lai              | 9607                   | 46                           | 405                        | 35093                      |
| 42 | Đắk Lắk              | 9264                   | 568                          | 3577                       | 58895                      |
| 43 | Đắk Nông             | 1727                   | 244                          | 557                        | 10381                      |
| 44 | Lâm Đồng             | 6593                   | 469                          | 10494                      | 21143                      |
| 45 | Bình Phước           | 5403                   | 1946                         | 2867                       | 22333                      |
| 46 | Tây Ninh             | 7636                   | 625                          | 1591                       | 37309                      |
| 47 | Bình Dương           | 8438                   | 4417                         | 5110                       | 29062                      |
| 48 | Đồng Nai             | 18445                  | 912                          | 3436                       | 71709                      |
| 49 | Bà Rịa - Vũng<br>Tàu | 8861                   | 1541                         | 2458                       | 25957                      |
| 50 | Hồ Chí Minh          | 24238                  | 4075                         | 12619                      | 118778                     |
| 51 | Long An              | 8020                   | 74                           | 1247                       | 61857                      |
| 52 | Tiền Giang           | 9912                   | 616                          | 6116                       | 77635                      |
| 53 | Bến Tre              | 8267                   | 260                          | 865                        | 56989                      |
| 54 | Trà Vinh             | 7366                   | 434                          | 9514                       | 11623                      |
| 55 | Vĩnh Long            | 13830                  | 570                          | 1158                       | 42093                      |
| 56 | Đồng Tháp            | 12740                  | 408                          | 2541                       | 33040                      |
| 57 | An Giang             | 21264                  | 124                          | 7925                       | 75494                      |
| 58 | Kiên Giang           | 17841                  | 665                          | 5068                       | 46208                      |
| 59 | Cần Thơ              | 10165                  | 1278                         | 3161                       | 38059                      |
| 60 | Hậu Giang            | 4109                   | 132                          | 902                        | 26195                      |
| 61 | Sóc Trăng            | 17829                  | 1915                         | 8661                       | 42284                      |
| 62 | Bạc Liêu             | 6432                   | 1901                         | 7993                       | 28496                      |
| 63 | Cà Mau               | 10815                  | 145                          | 1154                       | 52641                      |
|    | <b>Tổng cộng</b>     | <b>607.737</b>         | <b>89.716</b>                | <b>318.287</b>             | <b>3.156.014</b>           |

\* Thiếu số CCCD/ĐDCN bao gồm các trường hợp không có CCCD/ Mã định danh hoặc có CCCD/Mã định danh nhưng không đủ 12 số

## PHỤ LỤC 2

**Danh sách địa phương không cập nhật biên động thường xuyên từ tháng 7-9/2023**

**(Cập nhật đến 10h00 ngày 06/10/2023)**

*(Kèm theo Công văn số **4546**/LDTBXH- BTXH ngày **26** tháng 10 năm 2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

| STT | Tên Tỉnh/Thành phố | TT huyện | Tên Quận/ Huyện     |
|-----|--------------------|----------|---------------------|
| 1   | Hà Giang           | 1        | Huyện Bắc Mê        |
| 2   | Lào Cai            | 2        | Huyện Bát Xát       |
| 3   | Điện Biên          | 3        | Huyện Tuần Giáo     |
| 4   | Lai Châu           | 4        | Huyện Tân Uyên      |
|     |                    | 5        | Huyện Nậm Nhùn      |
| 5   | Sơn La             | 6        | Huyện Mường La      |
| 6   | Yên Bái            | 7        | Huyện Mù Cang Chải  |
| 7   | Lạng Sơn           | 8        | Huyện Tràng Định    |
|     |                    | 9        | Huyện Bình Gia      |
|     |                    | 10       | Huyện Văn Lãng      |
| 8   | Vĩnh Phúc          | 11       | Huyện Tam Dương     |
| 9   | Hải Dương          | 12       | Huyện Nam Sách      |
|     |                    | 13       | Thị Xã Kinh Môn     |
|     |                    | 14       | Huyện Cẩm Giàng     |
| 10  | Hải Phòng          | 15       | Quận Đồ Sơn         |
|     |                    | 16       | Huyện An Lão        |
| 11  | Hà Nam             | 17       | Huyện Kim Bảng      |
| 12  | Thanh Hóa          | 18       | Huyện Như Xuân      |
| 13  | Nghệ An            | 19       | Huyện Quỳnh Lưu     |
| 14  | Phú Yên            | 20       | Huyện Tuy An        |
| 15  | Bình Thuận         | 21       | Thị Xã La Gi        |
| 16  | Kon Tum            | 22       | Huyện Đắk Tô        |
|     |                    | 23       | Huyện Đắk Hà        |
|     |                    | 24       | Huyện Sa Thầy       |
|     |                    | 25       | Huyện Tu Mơ Rông    |
| 17  | Đắk Lắk            | 26       | Huyện Krông Năng    |
| 18  | Lâm Đồng           | 27       | Thành Phố Bảo Lộc   |
| 19  | Bình Phước         | 28       | Thị Xã Phước Long   |
|     |                    | 29       | Thành Phố Đồng Xoài |
|     |                    | 30       | Huyện Bù Gia Mập    |
|     |                    | 31       | Huyện Lộc Ninh      |

|    |                   |    |                   |
|----|-------------------|----|-------------------|
| 20 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 32 | Huyện Châu Đức    |
|    |                   | 33 | Huyện Xuyên Mộc   |
|    |                   | 34 | Huyện Long Điền   |
|    |                   | 35 | Huyện Đất Đỏ      |
|    |                   | 36 | Thị Xã Phú Mỹ     |
| 21 | Long An           | 37 | Huyện Đức Hòa     |
| 22 | Bến Tre           | 38 | Huyện Châu Thành  |
|    |                   | 39 | Huyện Chợ Lách    |
|    |                   | 40 | Huyện Mỏ Cày Nam  |
|    |                   | 41 | Huyện Giồng Trôm  |
|    |                   | 42 | Huyện Ba Tri      |
|    |                   | 43 | Huyện Thạnh Phú   |
| 23 | Kiên Giang        | 44 | Huyện Gò Quao     |
| 24 | Sóc Trăng         | 45 | Huyện Kế Sách     |
|    |                   | 46 | Huyện Mỹ Tú       |
|    |                   | 47 | Huyện Cù Lao Dung |
|    |                   | 48 | Thị Xã Vĩnh Châu  |
|    |                   | 49 | Huyện Trần Đề     |